

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2023/DS-ST
Ngày: 19 - 7 - 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Lâm Sơn;
- Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 426/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tống Thị Thu N, sinh năm 1974; địa chỉ: số 2F, tổ 135, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Minh S, sinh năm 1982; địa chỉ: số nhà 100, tổ 5, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2023 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tống Thị Thu N cho rằng, vào ngày 12/11/2021, ông Trần Minh S có vay của bà N số tiền 80.000.000 đồng, mục đích vay để lấy vốn làm ăn, thời hạn vay 1 tuần, lãi suất 3%/tháng, có làm biên nhận do ông S ghi, ký tên và ghi họ tên. Ông S trực tiếp nhận tiền vay. Từ khi vay cho đến nay, ông S trả được nợ gốc 5.000.000 đồng và không trả lãi cho bà N mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu thực hiện.

Vì vậy, bà N yêu cầu ông S có nghĩa vụ trả cho bà N nợ gốc 75.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 12/11/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 12/11/2021 có chữ ký, chữ viết đề họ và tên người vay Trần Minh S (bản photo).

- Ông Trần Minh S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có ý kiến, thống nhất các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp là đúng trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông S là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 12/11/2021, ông S có vay bà N số tiền 80.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời gian vay 01 tuần nhưng cho đến nay, ông S chỉ trả được số vốn là 5.000.000 đồng. Bà N khởi kiện yêu cầu ông S trả 75.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định từ ngày 12/11/2021 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà N với ông S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận. Sau khi kết thúc thời hạn vay, ông S chỉ trả được số vốn 5.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay, không trả lãi và trả số tiền vốn còn lại. Cho nên, bà N khởi kiện yêu cầu ông S trả nợ là có căn cứ.

Về lãi suất, bà N yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 12/11/2021 đến ngày Tòa án xét xử là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N; buộc ông S trả cho bà N 75.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định kể từ ngày 12/11/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Tổng Thị Thu N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Minh S trả nợ vay. Ông S đang cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới nên yêu cầu kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông S theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Bà Tổng Thị Thu N và ông Trần Minh S do có mối quan hệ quen biết, vì thế giữa bà N và ông S đã xác lập hợp đồng dân sự vay tiền bằng văn bản đề ngày 12/11/2021 với nội dung ông Trần Minh S có hỏi số tiền của bà Tổng Thị Thu N là 80.000.000 đồng có chữ ký và ghi họ và tên của ông S, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả 01 tuần sau ngày vay. Vì vậy, có căn cứ xác định ông S có vay của bà N số tiền như đã nêu trên. Căn cứ nội dung biên nhận viết tay, có chữ ký và chữ viết của ông S, có cơ sở xác định giữa ông S và bà N có xác lập hợp đồng dân sự vay tài sản với số tiền tổng cộng 80.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tuần sau ngày vay, lãi suất thỏa thuận lãi suất 3%/tháng (thỏa thuận miệng). Hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Sau khi vay ông S đã trả được cho bà N số vốn 5.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có ban hành Thông báo số 50/TB-TA ngày 19/5/2023 yêu cầu ông S cung cấp lời khai và giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ đối với nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông S không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định, ông S có vay của bà N số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tuần, đã thanh toán được 5.000.000 đồng tiền gốc, hiện còn nợ 75.000.000 đồng tiền gốc chưa thanh toán.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông Trần Minh S trả cho bà N số tiền vay còn nợ là 75.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 12/11/2021 đến khi Tòa án xét xử vụ án, căn cứ khởi kiện là giấy viết tay nguyên đơn cung cấp với nội dung ông S có vay số tiền của bà N 80.000.000 đồng, ông S vắng mặt cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, hợp đồng này được các bên giao kết phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi giao kết, ông S đã thực hiện trả được một phần tiền nợ vốn là 5.000.000 đồng nhưng sau đó ông S không tiếp tục thanh toán cho bà N là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Mặt khác, quá trình giải quyết, xét xử vụ án, ông S không thể hiện ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của bà N là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy lãi suất cho vay giữa các bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng (thỏa thuận miệng) từ ngày vay đến nay ông S không trả lãi cho bà N. Nay, bà N yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 75.000.000 đồng kể từ ngày 12/11/2021 đến khi Tòa án xét xử vụ án, Do ông S vi phạm chậm thực hiện nghĩa vụ của bên vay, làm ảnh hưởng đến lợi ích của bà N nên bà N yêu cầu tính lãi là có căn cứ phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng tại thời điểm cho vay lãi suất cho vay chỉ thể hiện qua lời nói của bà N, không được ông S đồng ý, trong biên nhận hai bên không thỏa thuận lãi suất nên số tiền lãi nên áp dụng tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

Tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 12/11/2021 đến ngày 19/7/2023 đối với số tiền 75.000.000 đồng $\times 10\%/năm \times 614 \text{ ngày} = 12.792.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền ông S phải trả cho bà N là 87.792.000 đồng (tám mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), lãi là 12.792.000 đồng (mười hai triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà N là 4.389.600 đồng.

Bà Tổng Thị Thu N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] *Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tổng Thị Thu N.

Buộc ông Trần Minh S có nghĩa vụ trả cho bà Tổng Thị Thu N số nợ vay 87.792.000 đồng (tám mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), lãi là 12.792.000 đồng (mười hai triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Minh S phải chịu 4.389.600 đồng (bốn triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tổng Thị Thu N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.875.000 đồng (một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0013507 ngày 24/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Bà Tổng Thị Thu N, ông Trần Minh S có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Thúy